

**TẬP ĐOÀN  
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 662/VNPT-KHĐT  
V/v công bố thông tin về mục tiêu kế  
hoạch sản xuất kinh doanh theo quy  
định tại Điều 23 Nghị định số  
47/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

Căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2022 của Công ty mẹ - Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc phê duyệt tại Quyết định số 609/QĐ-UBQLV ngày 23/12/2021.

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam đã thực hiện báo cáo và đăng tải các thông tin về mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, Công thông tin doanh nghiệp đúng thời hạn. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam kính gửi Quý Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông tin công bố như Văn bản kèm theo.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
  - Hội đồng thành viên (để b/c)
  - Tổng Giám đốc (để b/c);
  - KSV Tập đoàn;
  - Lưu: VT, KHĐT, NTNO.
- Số eOffice: 47141 - VBKS

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đình Danh**



**TẬP ĐOÀN  
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG  
VIỆT NAM**  
MST: 0100684378

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm

## **Biểu số 2: BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022**

### **I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH**

- Xây dựng và phát triển Tập đoàn Bưu chính Viễn thông thành Tập đoàn kinh tế nhà nước mạnh, năng động, hiệu quả. Từng bước chuyển đổi từ doanh nghiệp viễn thông sang doanh nghiệp số.

- Xây dựng hạ tầng mạng lưới viễn thông công nghệ thông tin của VNPT với năng lực lớn, hiện đại, thông minh, đồng bộ, an toàn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế, góp phần đưa VNPT thành doanh nghiệp có thị phần doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông hàng đầu Việt Nam. Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin, tích hợp dịch vụ với công nghệ mới, xây dựng nền tảng để cung cấp dịch vụ số, duy trì tăng trưởng dịch vụ băng rộng, triển khai thử nghiệm công nghệ 5G trong dịch vụ di động, định hướng kiến trúc và giải pháp internet vạn vật của Tập đoàn VNPT; tập trung phát triển các dịch vụ và tài chính số nhằm đem lại tiện ích cho khách hàng và tăng nguồn thu bù đắp một phần cho sự sụt giảm doanh thu của các dịch vụ viễn thông truyền thống và các giải pháp nhằm duy trì và phát triển thị phần.

- Tập trung phát triển thị trường số cho khách hàng Chính phủ, các bộ ban ngành, ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng, doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua cung cấp dịch vụ kết nối và ứng dụng công nghệ thông tin chất lượng cao.

- Tập trung phát triển hệ sinh thái sản phẩm Data, dịch vụ số, sản phẩm dịch vụ truyền hình theo hướng tăng trải nghiệm và đa dạng hóa hình thức cung cấp dịch vụ. Xây dựng các sản phẩm trọng điểm có tính năng linh hoạt, ưu việt, đặc biệt là nội dung số nhằm thu hút khách hàng mới, khai thác tối đa hiệu quả kinh doanh trên tập khách hàng hiện hữu.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Tập đoàn, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức, phong cách làm việc hiện đại, chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và phù hợp với xu thế chuyển đổi số.

- Tập trung đầu tư, tối ưu để tăng cường vùng phủ, chất lượng mạng lưới di động, nâng cao ọc độ, trải nghiệm mạng di động 4G cho khách hàng. Phát triển mạng 5G trên cơ sở lựa chọn tỉnh/thành phố theo hướng dẫn tối ưu hiệu quả đầu tư.

- Triển khai các biện pháp quản lý chặt chẽ các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn, các dự án đầu tư xây dựng, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, các chương trình khuyến mại, các vật tư thu hồi, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Tăng cường tối ưu chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực vốn doanh nghiệp, phấn đấu hoàn thành mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện chiến lược, kế hoạch phát triển để tái cơ cấu Tập đoàn giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn 2030 của Tập đoàn phù hợp với tình hình mới, tiếp tục khẳng định vai trò vị thế của VNPT là Tập đoàn kinh tế nhà nước vững mạnh, hiệu quả và đóng góp tích cực hơn nữa và sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

## II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

### 1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Doanh thu Công ty mẹ<sup>1</sup>: 41.459 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ<sup>1</sup>: 3.820 tỷ đồng;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ: 5,7%;
- Nộp ngân sách Công ty mẹ: 3.773 tỷ đồng;
- Không có nợ phải trả quá hạn và có hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1.
- Kế hoạch vốn đầu tư của Công ty mẹ tối đa không quá 11.000 tỷ đồng.

### BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính		
a)	Thuê bao di động thực tăng	Nghìn thuê bao	200
b)	Thuê bao Internet băng rộng cố định thực tăng	Nghìn thuê bao	890
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)		
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	56.647
Trong đó	Doanh thu hợp nhất Công ty mẹ	Tỷ đồng	41.459
4	Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ	Tỷ đồng	4.775
5	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	Tỷ đồng	3.820
6	Nộp ngân sách Công ty mẹ	Tỷ đồng	3.773
7	Tổng vốn đầu tư Công ty mẹ	Tỷ đồng	11.000

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm: Phụ lục Danh mục các dự án đầu tư thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2022 đính kèm.

<sup>1</sup> Doanh thu và lợi nhuận này chưa tính đến yếu tố khách quan: Do thay đổi chính sách quản lý doanh nghiệp viễn thông công nghệ thông tin chiếm thị phần khổng lồ; Chính sách đấu giá băng tần 2600MHz; Chính sách nộp phí Quỹ Viễn thông công ích, Chính sách tắt sóng công nghệ 2G.

**PHỤ LỤC - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH  
ĐẦU TƯ NĂM 2022**

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư hoặc được ủy quyền chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT)	Nguồn vốn đầu tư
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>24.705.486</b>	
<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM A</b>				
Mục A	<b>Nhóm A - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM A CHƯA HOÀN THÀNH CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2022 ĐỂ THỰC HIỆN TIẾP</b>		<b>4.213.372</b>	
1	Trung tâm giao dịch và điều hành Viễn thông Quốc Gia tại lô đất A3, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	VNPT Net	4.213.372	Khấu hao TSCĐ
<b>DỰ ÁN ĐẦU TƯ NHÓM B</b>				
Mục B.1	<b>Nhóm B - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM AB ĐÃ HOÀN THÀNH CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2022 ĐỂ THỰC HIỆN THANH QUYẾT TOÁN</b>		<b>6.558.744</b>	
1	Tuyến cáp quang quốc lộ 1A đoạn Vinh - Đà Nẵng	VNPT Net	174.831	Khấu hao TSCĐ
2	Trung tâm Công nghệ cao Bưu chính Viễn thông	VNP	567.480	Khấu hao TSCĐ
3	Mở rộng MANE tại 24 tỉnh, thành phố năm 2019	VNPT Net	198.929	Khấu hao TSCĐ
4	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Tây Nam Bộ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa mạng Vinaphone năm 2019	VNPT Net	1.417.874	Khấu hao TSCĐ
5	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực khu vực Tp. Hà Nội, các tỉnh biên giới và Nam bộ mạng Vinaphone năm 2019	VNPT Net	1.324.550	Khấu hao TSCĐ
6	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu mạng Vinaphone năm 2019	VNPT Net	788.953	Khấu hao TSCĐ
7	Trang bị anten lớn hơn, băng 10 port và phụ kiện phục vụ mở rộng mạng vô tuyến Vinaphone năm 2019	VNPT Net	190.464	Khấu hao TSCĐ
8	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực 18 tỉnh miền Bắc mạng Vinaphone năm giai đoạn 2020-2021	VNPT Net	221.019	Khấu hao TSCĐ
9	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực các tỉnh miền Trung mạng Vinaphone giai đoạn 2020-2021	VNPT Net	119.595	Khấu hao TSCĐ

Chỉ tiêu	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư hoặc được ủy quyền chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT)	Nguồn vốn đầu tư
10	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Bộ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa mạng Vinaphone giai đoạn 2020-2021	VNPT Net	678.434	Khấu hao TSCĐ
11	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực khu vực Tp. Hà Nội, các tỉnh biên giới và Nam bộ mạng Vinaphone giai đoạn 2020 -2021	VNPT Net	659.713	Khấu hao TSCĐ
12	Mở rộng dung lượng hệ thống OCS năm 2020	VNPT Net	216.902	Khấu hao TSCĐ
<b>Mục B.2</b>	<b>Nhóm B - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM B CHƯA HOÀN THÀNH CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2022 ĐỂ THỰC HIỆN TIẾP</b>		7.440.427	
1	Tuyến cáp quang Quảng Ngãi - Quy Nhơn - Tuy Hòa - Nha Trang	VNPT Net	95.690	Khấu hao TSCĐ
2	Mở rộng hệ thống truyền dẫn tuyến trục Backbone II năm 2019	VNPT Net	88.117	Khấu hao TSCĐ
3	Tham gia xây dựng hệ thống cáp biển quốc tế SJC-2	VNPT Net	1.132.827	Khấu hao TSCĐ
4	Xây dựng Tòa nhà Viên thông/IDC-VNPT	VNPT Net	550.000	Khấu hao TSCĐ
5	Xây dựng 2 tuyến cáp điện ngầm 22KVA tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc - Hà Nội	VNPT Net	82.865	Khấu hao TSCĐ
6	Xây dựng nhà làm việc Viên thông thành phố Hồ Chí Minh (Trung tâm lắp đặt thiết bị (node mạng) và điều hành Viên thông và CNTT của VNPT Tp.HCM)	VNPT HCM	783.501	Khấu hao TSCĐ
7	Xây dựng vào khu đất 04 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giai đoạn 1)	VNPT TTH	63.017	Khấu hao TSCĐ
8	Mở rộng Trung tâm dữ liệu và dịch vụ băng rộng tại khu chế xuất Tân Thuận, Tp Hồ Chí Minh	VNPT - Net	174.252	Khấu hao TSCĐ
9	Xây dựng mở rộng Trung tâm dữ liệu và dịch vụ băng rộng tại khu công nghiệp Nam Thăng Long, Hà Nội	VNPT - Net	174.652	Khấu hao TSCĐ
10	Trung tâm điều hành Viên thông-Công nghệ thông tin Viên Thông Long An tại phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An	VNPT Long An	85.116	Khấu hao TSCĐ
11	Đầu tư hệ thống VNPT Data Lake	VNPT Media	92.343	Khấu hao TSCĐ
12	Đầu tư hệ thống Digital Cloud cung cấp dịch vụ số phase 1	VNPT Media	82.964	Khấu hao TSCĐ
13	Nâng cao năng lực hệ thống EPC	VNPT Net	207.856	Khấu hao TSCĐ
14	Nâng cao năng lực hệ thống IMS	VNPT Net	108.496	Khấu hao TSCĐ

Chỉ tiêu	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư hoặc được ủy quyền chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT)	Nguồn vốn đầu tư
15	Trang bị thiết bị hệ thống Tổng đài Transit Gateway	VNPT Net	114.247	Khấu hao TSCĐ
16	Trụ sở làm việc và điều hành Viễn thông Hà Nam (Giai đoạn 2)	VNPT Hà Nam	150.804	Khấu hao TSCĐ
17	Mở rộng hệ thống truyền dẫn Backbone năm 2021	VNPT Net	201.057	Khấu hao TSCĐ
18	Mở rộng năng lực mạng MAN-E vùng 16 tỉnh, thành phố năm 2021	VNPT Net	266.345	Khấu hao TSCĐ
19	Mở rộng năng lực mạng MAN-E vùng 28 tỉnh, thành phố năm 2021	VNPT Net	587.297	Khấu hao TSCĐ
20	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Bộ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa mạng Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	768.054	Khấu hao TSCĐ
21	Mở rộng mạng vô tuyến khu vực Tp. Hà Nội, các tỉnh biên giới và Nam Bộ mạng Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	817.918	Khấu hao TSCĐ
22	Nâng cấp và Mở rộng mạng vô tuyến khu vực 18 tỉnh miền Bắc mạng Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	375.520	Khấu hao TSCĐ
23	Nâng cấp và Mở rộng mạng vô tuyến khu vực 07 Tỉnh Miền Trung mạng Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	108.742	Khấu hao TSCĐ
24	Mở rộng hệ thống VMP cung cấp dịch vụ MyTV phase 1	VNPT Media	79.616	Khấu hao TSCĐ
25	Mở rộng năng lực mạng MANE cho các tỉnh Bắc Ninh, Hà Nam, Ninh Bình, Vĩnh Phúc	VNPT Net	149.211	Khấu hao TSCĐ
26	Trang bị Anten wideband các loại và phụ kiện phục vụ các dự án mở rộng mạng vô tuyến Vinaphone giai đoạn 2021-2022	VNPT Net	99.920	Khấu hao TSCĐ
<b>Mục B.3</b>	<b>Nhóm B - DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NHÓM B KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022</b>		74.380	-
1	Xây dựng Nhà làm việc và điều hành Viễn thông Hưng Yên	VNPT Hưng Yên	74.380	Khấu hao TSCĐ
<b>Mục B.4</b>	<b>Nhóm B - DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN NHÓM B KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022</b>		6.418.563	
1	Trang bị bản quyền phần mềm CSDL cho hệ thống phần mềm phục vụ ĐHSXKD	VNPT IT	50.172	Khấu hao TSCĐ
2	Trang bị hệ thống phân tích dữ liệu di động (DPI) năm 2022	VNPT Media	96.051	Khấu hao TSCĐ

Chỉ tiêu	Tên dự án đầu tư	Chủ đầu tư hoặc được ủy quyền chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư (bao gồm thuế VAT)	Nguồn vốn đầu tư
3	Nâng cấp và mở rộng mạng vô tuyến khu vực Tp. Hà Nội, các tỉnh biên giới và Nam bộ mạng Vinaphone giai đoạn 2022-2023	VNPT Net	502.834	Khấu hao TSCĐ
4	Nâng cấp và mở rộng mạng vô tuyến khu vực Tp. Hồ Chí Minh, các tỉnh Nam Bộ, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Khánh Hòa mạng Vinaphone giai đoạn 2022-2023	VNPT Net	469.096	Khấu hao TSCĐ
5	Nâng cấp và mở rộng mạng vô tuyến khu vực 18 tỉnh miền Bắc mạng Vinaphone giai đoạn 2022-2023	VNPT Net	215.257	Khấu hao TSCĐ
6	Nâng cấp và mở rộng mạng vô tuyến khu vực 7 tỉnh miền Trung mạng Vinaphone giai đoạn 2022-2023	VNPT Net	87.310	Khấu hao TSCĐ
7	Trang bị vật tư, thiết bị anten phục vụ các dự án mở rộng mạng vô tuyến Vinaphone năm 2022	VNPT Net	148.388	Khấu hao TSCĐ
8	Mở rộng mạng MANE tại vùng 28 tỉnh	VNPT Net	530.000	Khấu hao TSCĐ
9	Mở rộng mạng VN2 P Router năm 2022	VNPT Net	139.000	Khấu hao TSCĐ
10	Mở rộng mạng VN2 PE/NIX/ASBR năm 2022	VNPT Net	166.000	Khấu hao TSCĐ
11	Mở rộng VN2 PE BNG ASBR Router	VNPT Net	240.000	Khấu hao TSCĐ
12	Mở rộng hệ thống truyền dẫn Tây Bắc năm 2022	VNPT Net	116.442	Khấu hao TSCĐ
13	Mở rộng hệ thống truyền dẫn miền Trung năm 2022	VNPT Net	146.961	Khấu hao TSCĐ
14	Mở rộng hệ thống truyền dẫn phía Nam năm 2022	VNPT Net	202.655	Khấu hao TSCĐ
15	Nâng cấp hệ thống tổng đài Ericsson mạng Vinaphone	VNPT Net	128.650	Khấu hao TSCĐ
16	Mở rộng dung lượng hệ thống EPC thêm 670G	VNPT Net	260.502	Khấu hao TSCĐ
17	Mở rộng dung lượng hệ thống OCS năm 2022	VNPT Net	228.085	Khấu hao TSCĐ
18	Trang bị bản quyền phần mềm cho hệ thống phần mềm phục vụ ĐHSXKD và cung cấp cho khách hàng	VNPT Media	49.162	Khấu hao TSCĐ
19	Trang bị hệ thống thiết bị vô tuyến 5G mạng Vinaphone khu vực 16 tỉnh mạng Vinaphone giai đoạn 2022-2023	VNPT Net	937.000	Khấu hao TSCĐ
20	Trang bị hệ thống thiết bị vô tuyến 5G mạng Vinaphone khu vực 22 tỉnh mạng Vinaphone giai đoạn 2022-2023	VNPT Net	868.000	Khấu hao TSCĐ
21	Trang bị hệ thống thiết bị vô tuyến 5G mạng Vinaphone khu vực 25 tỉnh mạng Vinaphone giai đoạn 2022-2023	VNPT Net	397.000	Khấu hao TSCĐ
22	Mạng core cho hệ thống di động 5G	VNPT Net	440.000	Khấu hao TSCĐ